

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18/3/2025

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Lan Hương

2. Ông Trịnh Hồng Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Hiền Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 611/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST -HN ngày 05 tháng 02 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn:

- Chị Phạm Thị Bích L, sinh năm 1985. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

- Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2024, Bản tự khai ngày 27/12/2024, những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Phạm Thị Bích L trình bày:

Chị và anh L1 do tự quen biết và tiến tới hôn nhân, hai bên có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/12/2020. Quá trình chung sống có hạnh phúc, đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp. Hai anh chị đã sống ly thân từ năm

2024 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm với anh L1 không còn, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L1.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Ngọc H, sinh ngày 13/11/2020. Chị L yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Vụ kiện đã được Tòa án mở phiên hoà giải nhưng không hoà giải được do anh L1 không đến. Do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: về tố tụng: không vi phạm tố tụng; về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị L đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh L1 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử vắng mặt chị L và anh L1 là phù hợp với Điều 227, 288 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Bích L và anh Nguyễn Văn L1 kết hôn vào năm 2020, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/12/2020 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị L trình bày do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không phù hợp. Xét thấy, hôn nhân giữa chị L và anh L1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn với anh L1 là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Ngọc H, sinh ngày 13/11/2020. Chị L yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy, con đang sống chung với chị L nên cần giao con cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng mới đảm bảo sự phát triển bình thường của trẻ. Về cấp dưỡng nuôi con, chị L không yêu cầu nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: chị L khai không có nên không xét đến.

[2.4] Về nợ chung: chị L khai không có nên không xét đến.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí là 300.000đ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Bích L đối với anh Nguyễn Văn L1.

Chị Phạm Thị Bích L được ly hôn anh Nguyễn Văn L1. Quan hệ hôn nhân của anh L1, chị L chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung:* có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Ngọc H, sinh ngày 13/11/2020. Giao con cho chị Phạm Thị Bích L nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh L1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, vì quyền và lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung:* chị L khai không có nên không xét đến.

4. *Về nợ chung:* chị L khai không có nên không xét đến.

5. *Án phí hôn nhân sơ thẩm:* chị Phạm Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006294 ngày 15/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị L đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị L, anh L1 vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
 - VKSND huyện Châu Thành;
 - Chi cục THA huyện Châu Thành;
 - UBND xã Tam Phước
- (Số 81/2020/ĐKKH ngày 11/12/2020)
- Các đương sự;
 - Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Nguyễn Trọng Hiếu

